

Đại Từ, ngày 14 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Niềm yết công khai kết quả tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 57/KH-MTTQ-BTT ngày 03/4/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với đề nghị công nhận huyện Đại Từ đạt nông thôn mới nâng cao năm 2024; Kế hoạch số 516 /KH-MTTQ-BTT ngày 03/4/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ huyện Đại Từ về việc phối hợp tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với đề nghị công nhận huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và biên bản thống nhất công khai kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về đề nghị công nhận huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 giữa Ủy ban MTTQ huyện và UBND huyện ký ngày 14/4/2025.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ huyện Đại Từ Thông báo niềm yết công khai kết quả tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024, như sau:

1. Tổng số xã tổ chức lấy ý kiến: 25/25 xã.
2. Tổng số xóm đã tiến hành lấy ý kiến: 340/340 xóm.
3. Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày 06/4/2025 đến ngày 12/4/2025.
4. Tổng số hộ gia đình lấy ý kiến 39.474/ 44.132 hộ gia đình, đạt 89,45 %
5. Kết quả kiểm phiếu:
 - Tổng số phiếu phát ra: 39.474 phiếu.
 - Tổng số phiếu thu về: 39.474 phiếu.
 - Tổng số ý kiến hài lòng từ câu 1 đến câu 9 trung bình đạt 99,13 %),
 - Tổng số ý kiến hài lòng câu 10: đạt tỷ lệ 99,62 %).

(Có biểu tổng hợp kèm theo).

6. Thời gian niêm yết công khai kết quả lấy ý kiến: Từ ngày 14/4 đến hết ngày 23/4/2025.

7. Hình thức và địa điểm công khai

- Đăng trên trang thông tin điện tử của huyện.
- Công khai qua hệ thống loa truyền thanh của huyện, xã.

- Niêm yết tại UBND, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, xã.
- Niêm yết tại Nhà văn hóa các xóm thuộc 25 xã trong huyện.

Các ý kiến tham gia đóng góp, phản ánh của tập thể, cá nhân gửi trực tiếp về Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các xã và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ huyện Đại Từ để xem xét trả lời theo quy định.

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai kết quả tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024./.

Nơi nhận:

- BTT Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy;
- BCĐ các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Trung tâm VH-TT huyện;
- Các thành viên Tổ công tác;
- Đảng ủy, UBND, UB MTTQ các xã;
- Ban công tác Mặt trận các xóm;
- Lưu: MTTQ huyện.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Bạch Yến



NIÊM YẾT BIỂU TỔNG HỢP

**Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận
huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024**

(Kem theo thông báo 530 /TB-MTTQ-BTT ngày 14/4/2025 của UB MTTQ huyện)

- Tổng số hộ dân 25 xã của huyện Đại Từ: 44.132 hộ
- Tổng số được lấy ý kiến: 39.474 hộ (đạt tỷ lệ 89,45%).
- Tỷ lệ trung bình từ câu số 1 đến câu số 9 là 99,13% số phiếu hài lòng
- Câu số 10 là 99,62 % số phiếu hải lòng.

TT	Nội dung tiêu chí	Hài lòng		Chưa hài lòng	
		Số phiếu	Tỷ lệ	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất và thông báo rộng rãi đến người dân	39.213	99,34	261	0,66
2	Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện được nhựa hóa, bê tông hóa, có hệ thống biển báo, đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, đạt quy chuẩn phù hợp với quá trình đô thị hóa	39.081	99,06	393	0,99
3	Hệ thống thủy lợi được duy trì và nâng cấp thường xuyên. Đảm bảo các yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai	38.914	98,58	560	1,42
4	Hệ thống điện được đảm bảo an toàn và mỹ quan	39.139	99,15	335	0,85
5	Người dân tích cực tham gia bảo hiểm y tế; Các di sản văn hóa của địa phương được tu bổ, tôn tạo và bảo vệ; trường học và chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo quy định. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu học nghề, bổ túc nâng cao kỹ năng sản xuất cho nhân dân.	39.391	99,79	83	0,21
6	Có hình thức hỗ trợ nhân dân xây dựng sản phẩm OCOP; hình thành các sản thương mại điện tử trong quảng bá, mua bán các sản phẩm địa phương; các sản phẩm chủ lực được truy xuất nguồn gốc; xây dựng hiệu quả các trang thông tin quảng bá về văn hóa, du lịch và các sản phẩm của địa phương	39.228	99,38	246	0,62
7	Chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định; không có các điểm ùn ứ chất thải sinh hoạt tại các khu vực công cộng; môi trường làng nghề an toàn không gây ô nhiễm; các khu dân cư được trồng nhiều cây xanh; có các mô hình về bảo vệ môi trường phát huy hiệu quả	38.982	98,75	492	1,25

8	Cảnh quan môi trường đảm bảo sáng- xanh- sạch- đẹp; người dân được đảm bảo sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	38.866	98,48	608	1,54
9	Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến, kết nối điện tử từ huyện đến các xã. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người trái pháp luật trong Nhân dân; các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự được giải quyết và xử lý triệt để	39.365	99,73	109	0,28
10	Về tổng thể, Ông/Bà hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của địa phương như thế nào?	39.325	99,62	149	0,38



BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT

**Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận
huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024**

TT	Đơn vị		Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
1	Xã An Khánh											
	Hài lòng	Số phiếu	1660	1661	1644	1651	1664	1661	1656	1662	1664	1663
		Tỷ lệ (%)	99,64	99,70	98,68	99,10	99,88	99,70	99,40	99,76	99,88	99,82
	Chưa hài lòng	Số phiếu	6	5	22	15	2	5	10	4	2	3
		Tỷ lệ (%)	0,36	0,30	1,32	0,90	0,12	0,30	0,60	0,24	0,12	0,18
2	Xã Bản Ngòi											
	Hài lòng	Số phiếu	1914	1887	1895	1913	1918	1906	1896	1891	1915	1913
		Tỷ lệ (%)	99,64	98,23	98,65	99,58	99,84	99,22	98,70	98,44	99,69	99,58
	Chưa hài lòng	Số phiếu	7	34	26	8	3	15	25	30	6	8
		Tỷ lệ (%)	0,36	1,77	1,35	0,42	0,16	0,78	1,30	1,56	0,31	0,42
3	Xã Bình Thuận											
	Hài lòng	Số phiếu	1722	1739	1715	1743	1747	1733	1727	1734	1745	1737
		Tỷ lệ (%)	98,51	99,49	98,11	99,71	99,94	99,14	98,80	99,20	99,83	99,37
	Chưa hài lòng	Số phiếu	26	9	33	5	1	15	21	14	3	11
		Tỷ lệ (%)	1,49	0,51	1,89	0,29	0,06	0,86	1,20	0,80	0,17	0,63
4	Xã Cát Nê											
	Hài lòng	Số phiếu	1030	1032	1016	1037	1041	1031	1007	1017	1038	1036

		Tỷ lệ (%)	98,56	98,76	97,22	99,23	99,62	98,66	96,36	97,32	99,33	99,14
	Chưa hài lòng	Số phiếu	15	13	29	8	4	14	38	28	7	9
		Tỷ lệ (%)	1,44	1,24	2,78	0,77	0,38	1,34	3,64	2,68	0,67	0,86
5	Xã Cù Vân											
	Hài lòng	Số phiếu	1806	1804	1801	1801	1808	1806	1807	1803	1808	1807
		Tỷ lệ (%)	99,89	99,78	99,61	99,61	100,00	99,89	99,94	99,72	100,00	99,94
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	4	7	7	0	2	1	5	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,11	0,22	0,39	0,39	0,00	0,11	0,06	0,28	0,00	0,06
6	Xã Đức Lương											
	Hài lòng	Số phiếu	753	753	750	754	753	751	753	747	755	753
		Tỷ lệ (%)	99,74	99,74	99,34	99,87	99,74	99,47	99,74	98,94	100,00	99,74
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	2	5	1	2	4	2	8	0	2
		Tỷ lệ (%)	0,26	0,26	0,66	0,13	0,26	0,53	0,26	1,06	0,00	0,26
7	Xã Hà Thượng											
	Hài lòng	Số phiếu	1273	1269	1273	1273	1270	1268	1269	1268	1266	1273
		Tỷ lệ (%)	100,00	99,69	100,00	100,00	99,76	99,61	99,69	99,61	99,45	100,00
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	4	0	0	3	5	4	5	7	0
		Tỷ lệ (%)	0,00	0,31	0,00	0,00	0,24	0,39	0,31	0,39	0,55	0,00
8	Xã Hoàng Nông											
	Hài lòng	Số phiếu	1281	1261	1269	1261	1282	1282	1278	1263	1284	1285
		Tỷ lệ (%)	99,69	98,13	98,75	98,13	99,77	99,77	99,46	98,29	99,92	100,00
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	24	16	24	3	3	7	22	1	0
		Tỷ lệ (%)	0,31	1,87	1,25	1,87	0,23	0,23	0,54	1,71	0,08	0,00

9	Xã Khôi Kỳ											
	Hài lòng	Số phiếu	1689	1688	1684	1697	1702	1700	1692	1681	1695	1698
		Tỷ lệ (%)	99,12	99,06	98,83	99,59	99,88	99,77	99,30	98,65	99,47	99,65
	Chưa hài lòng	Số phiếu	15	16	20	7	2	4	12	23	9	6
		Tỷ lệ (%)	0,88	0,94	1,17	0,41	0,12	0,23	0,70	1,35	0,53	0,35
10	Xã Vạn Phú											
	Hài lòng	Số phiếu	3129	3123	3119	3130	3131	3128	3121	3112	3131	3131
		Tỷ lệ (%)	99,94	99,74	99,62	99,97	100,00	99,90	99,68	99,39	100,00	100,00
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	8	12	1	0	3	10	19	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,06	0,26	0,38	0,03	0,00	0,10	0,32	0,61	0,00	0,00
11	Xã La Bằng											
	Hài lòng	Số phiếu	969	950	912	956	967	967	949	961	973	972
		Tỷ lệ (%)	99,59	97,64	93,73	98,25	99,38	99,38	97,53	98,77	100,00	99,90
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	23	61	17	6	6	24	12	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,41	2,36	6,27	1,75	0,62	0,62	2,47	1,23	0,00	0,10
12	Xã Lục Ba											
	Hài lòng	Số phiếu	1144	1144	1144	1142	1144	1144	1140	1141	1144	1144
		Tỷ lệ (%)	100,00	100,00	100,00	99,83	100,00	100,00	99,65	99,74	100,00	100,00
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	2	0	0	4	3	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,00	0,00	0,00	0,17	0,00	0,00	0,35	0,26	0,00	0,00
13	Xã Minh Tiến											
	Hài lòng	Số phiếu	1112	1100	1096	1099	1126	1120	1094	1103	1125	1121
		Tỷ lệ (%)	98,76	97,69	97,34	97,60	100,00	99,47	97,16	97,96	99,91	99,56

	Chưa hài lòng	Số phiếu	14	26	30	27	0	6	32	23	1	5
		Tỷ lệ (%)	1,24	2,31	2,66	2,40	0,00	0,53	2,84	2,04	0,09	0,44
14	Xã Mỹ Yên											
	Hài lòng	Số phiếu	1485	1489	1474	1489	1492	1477	1482	1491	1492	1489
		Tỷ lệ (%)	99,53	99,80	98,79	99,80	100,00	98,99	99,33	99,93	100,00	99,80
	Chưa hài lòng	Số phiếu	7	3	18	3	0	15	10	1	0	3
		Tỷ lệ (%)	0,47	0,20	1,21	0,20	0,00	1,01	0,67	0,07	0,00	0,20
15	Xã Phú Cường											
	Hài lòng	Số phiếu	1714	1710	1699	1711	1726	1715	1716	1697	1721	1713
		Tỷ lệ (%)	99,25	99,02	98,38	99,07	99,94	99,31	99,36	98,26	99,65	99,19
	Chưa hài lòng	Số phiếu	13	17	28	16	1	12	11	30	6	14
		Tỷ lệ (%)	0,75	0,98	1,62	0,93	0,06	0,69	0,64	1,74	0,35	0,81
16	Xã Phú Lạc											
	Hài lòng	Số phiếu	1767	1734	1766	1750	1772	1770	1740	1737	1769	1745
		Tỷ lệ (%)	99,61	97,75	99,55	98,65	99,89	99,77	98,08	97,91	99,72	98,37
	Chưa hài lòng	Số phiếu	7	40	8	24	2	4	34	37	5	29
		Tỷ lệ (%)	0,39	2,25	0,45	1,35	0,11	0,23	1,92	2,09	0,28	1,63
17	Xã Phú Thịnh											
	Hài lòng	Số phiếu	1047	1041	1026	1040	1049	1048	1030	1045	1050	1049
		Tỷ lệ (%)	99,71	99,14	97,71	99,05	99,90	99,81	98,10	99,52	100,00	99,90
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	9	24	10	1	2	20	5	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,29	0,86	2,29	0,95	0,10	0,19	1,90	0,48	0,00	0,10
18	Xã Phú Xuyên											

	Hài lòng	Số phiếu	1986	1994	1969	1989	2002	1979	1986	1980	1998	1992
		Tỷ lệ (%)	99,20	99,60	98,35	99,35	100,00	98,85	99,20	98,90	99,80	99,50
	Chưa hài lòng	Số phiếu	16	8	33	13	0	23	16	22	4	10
		Tỷ lệ (%)	0,80	0,40	1,65	0,65	0,00	1,15	0,80	1,10	0,20	0,50
19	Xã Phục Linh											
	Hài lòng	Số phiếu	1617	1637	1617	1633	1636	1618	1586	1601	1633	1655
		Tỷ lệ (%)	96,59	97,79	96,59	97,55	97,73	96,65	94,74	95,64	97,55	98,86
	Chưa hài lòng	Số phiếu	57	37	57	41	38	56	88	73	41	19
		Tỷ lệ (%)	3,41	2,21	3,41	2,45	2,27	3,35	5,26	4,36	2,45	1,14
20	Xã Phúc Lương											
	Hài lòng	Số phiếu	1074	1075	1055	1070	1076	1070	1066	1064	1077	1074
		Tỷ lệ (%)	99,72	99,81	97,96	99,35	99,91	99,35	98,98	98,79	100,00	99,72
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	2	22	7	1	7	11	13	0	3
		Tỷ lệ (%)	0,28	0,19	2,04	0,65	0,09	0,65	1,02	1,21	0,00	0,28
21	Xã Tân Linh											
	Hài lòng	Số phiếu	1393	1385	1392	1376	1396	1392	1396	1372	1394	1394
		Tỷ lệ (%)	99,79	99,21	99,71	98,57	100,00	99,71	100,00	98,28	99,86	99,86
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	11	4	20	0	4	0	24	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,21	0,79	0,29	1,43	0,00	0,29	0,00	1,72	0,14	0,14
22	Xã Tân Thái											
	Hài lòng	Số phiếu	1075	1084	1074	1070	1092	1081	1076	1085	1096	1094
		Tỷ lệ (%)	97,82	98,64	97,73	97,36	99,36	98,36	97,91	98,73	99,73	99,55
	Chưa hài lòng	Số phiếu	24	15	25	29	7	18	23	14	3	5

		Tỷ lệ (%)	2,18	1,36	2,27	2,64	0,64	1,64	2,09	1,27	0,27	0,45
23	Xã Tiên Hội											
	Hài lòng	Số phiếu	1639	1638	1625	1635	1641	1640	1639	1640	1641	1640
		Tỷ lệ (%)	99,82	99,76	98,96	99,57	99,94	99,88	99,82	99,88	99,94	99,88
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	4	17	7	1	2	3	2	1	2
		Tỷ lệ (%)	0,18	0,24	1,04	0,43	0,06	0,12	0,18	0,12	0,06	0,12
24	Xã Văn Yên											
	Hài lòng	Số phiếu	1987	1996	1972	1984	2001	1993	1984	1981	2003	1995
		Tỷ lệ (%)	99,10	99,55	98,35	98,95	99,80	99,40	98,95	98,80	99,90	99,50
	Chưa hài lòng	Số phiếu	18	9	33	21	4	12	21	24	2	10
		Tỷ lệ (%)	0,90	0,45	1,65	1,05	0,20	0,60	1,05	1,20	0,10	0,50
25	Xã Yên Lãng											
	Hài lòng	Số phiếu	2947	2887	2927	2935	2955	2948	2892	2790	2948	2952
		Tỷ lệ (%)	99,66	97,63	98,99	99,26	99,93	99,70	97,80	94,35	99,70	99,83
	Chưa hài lòng	Số phiếu	10	70	30	22	2	9	65	167	9	5
		Tỷ lệ (%)	0,34	2,37	1,01	0,74	0,07	0,30	2,20	5,65	0,30	0,17
	Tổng cộng											
		Số phiếu	39213	39081	38914	39139	39391	39228	38982	38866	39365	39325
	Hài lòng	Tỷ lệ (%)	99,34	99,00	98,58	99,15	99,79	99,38	98,75	98,46	99,72	99,62
	Chưa hài lòng	Số phiếu	261	393	560	335	83	246	492	608	109	149
		Tỷ lệ (%)	0,66	1,00	1,42	0,85	0,21	0,62	1,25	1,54	0,28	0,38